

SỐ: 1586/TB- KTKH

Uông Bí, ngày 22 tháng 11 năm 2017

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
CUNG CẤP NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT XI MĂNG NĂM 2018

Kính gửi: Quý Công ty, đơn vị.

Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh trân trọng kính mời các tổ chức có nhu cầu tham dự chào giá cạnh tranh cung cấp nguyên liệu sản xuất xi măng năm 2018 như sau:

1. Đơn vị mời chào giá:

Tên đơn vị mời chào giá: Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là QNC);

Địa chỉ: Khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;

Điện thoại: 0203 3668 355; Fax 0203 3668 354;

2. Chung loại nguyên liệu, số lượng, chất lượng:

Chung loại nguyên liệu, số lượng, chỉ tiêu chất lượng, địa điểm giao nhận theo Bảng số 1 kèm theo.

Số lượng của các nguyên liệu có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của QNC. Hàng tháng QNC lập đơn hàng, số lượng đề nghị nhà thầu cung cấp.

3. Phân tích chất lượng, địa điểm giao hàng, nghiệm thu giao nhận, thanh toán:

a) Lấy mẫu phân tích chất lượng: Nguyên liệu được lấy mẫu khi đến nơi bốc dỡ, có sự tham gia của nhà thầu cung cấp, niêm phong và bảo quản mẫu theo quy định. Phân tích tại Phòng thí nghiệm của QNC. Kết quả phân tích mẫu làm căn cứ đánh giá chất lượng nhập và thanh toán.

b) Địa điểm giao hàng: Nhà thầu lựa chọn các hình thức giao hàng sau:

- Giao tại cảng Lam Thạch của QNC;

- Giao tại kho, bãi của QNC tại nhà máy xi măng Lam Thạch.

c) Nghiệm thu: Nghiệm thu bằng cân khối lượng qua cân ô tô điện tử của QNC. Mỗi lô nguyên liệu được quy định là khối lượng của một phương tiện vận tải thủy hoặc đoàn phương tiện vận tải bộ.

d) Thanh toán: Kết thúc mỗi lô nguyên liệu, hai bên lập Biên bản nghiệm thu quyết toán và hoàn thiện các chứng từ thanh toán theo quy định; QNC thanh toán giá trị lô nguyên liệu sau thời gian 3 tháng kể từ ngày hai bên hoàn tất chứng từ và QNC nhận được hóa đơn GTGT của nhà thầu. Các hình thức thanh toán áp dụng là chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ hoặc trao đổi hàng hóa.

4. Yêu cầu về tư cách và năng lực của nhà thầu:

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- b) Hạch toán tài chính độc lập;
- c) Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Nhà thầu có tư cách hợp lệ theo quy định nêu trên được tham dự chào giá với tư cách độc lập.

5. Giá chào và giảm giá:

a) Nhà thầu có thể tham dự chào giá một, hai, nhiều hoặc toàn bộ các chủng loại nguyên liệu trong bảng số 1. Nhà thầu lập bảng giá chào theo mẫu số 2 kèm theo thư mời;

b) Giá chào ghi trong bảng giá chào là đơn giá của từng loại nguyên liệu chưa tính giảm giá; Giá chào của nhà thầu phải bao gồm giá hàng hóa và các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có);

c) Giá chào phải có tính ổn định ít nhất trong thời gian 03 tháng kể từ ngày 01/01/2018;

d) Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các loại nguyên liệu cụ thể. Trường hợp không nêu rõ giảm giá cho loại nguyên liệu nào thì được hiểu là giảm cho tất cả các loại nguyên liệu chào giá. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên QNC nhận được trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất. Thư giảm giá sẽ được bên QNC bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

e) Nhà thầu phải đảm bảo về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu, có các giấy tờ chứng minh nguyên liệu hợp pháp.

6. Yêu cầu về hồ sơ đề xuất (HSDX):

6.1. Thành phần HSDX:

Nhà thầu lập HSDX gồm:

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Đơn chào giá (theo mẫu số 01) kèm theo.
- Bảng giá chào (theo mẫu số 02) kèm theo.
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký Đơn chào giá; Bảng giá chào. Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền.
- Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có);
- Các nội dung khác như tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa như Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng CQ hoặc các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

6.2. Quy cách HSDX:

- Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc HSDX. Bản gốc HSDX là bản có Đơn chào giá và Bảng giá chào ký, đóng dấu. Túi đựng HSDX, của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên nhà thầu. Ngoài túi HSDX ghi rõ hồ sơ tham dự chào giá cung cấp nguyên liệu để sản xuất xi măng của Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh. QNC có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà thầu.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc hồ sơ sửa đổi, thay thế. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “Hồ sơ đề xuất sửa đổi”, “Hồ sơ đề xuất thay thế”.

6.3. Nội dung HSDX:

- Thời hạn nộp HSDX trước thời điểm đóng thầu là 11h30’ ngày 05/12/2017;

- Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện đến địa chỉ của QNC nhưng phải đảm bảo QNC nhận được trước thời điểm thời điểm đóng thầu.

- Địa chỉ nhận HSDX: Phòng Kinh tế Kế hoạch, Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh; phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; (Người tiếp nhận: Ông Nguyễn Trọng Hiệp, số điện thoại: 0986.22.66.02)

- QNC sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu nộp HSDX sau thời điểm thời điểm đóng thầu thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

- Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì nhà thầu nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 6.2 mục 6 trên đây.

6.4. Thời gian có hiệu lực của HSDX:

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 40 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

7. Mở HSDX:

a) QNC mở ở công khai HSDX của các nhà thầu vào 13h30' ngày 05/12/2017 tại Văn phòng Công ty trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

b) Thực hiện mở từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

- Kiểm tra niêm phong;

- Mở HSDX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin tên nhà thầu, giá chào ghi trong Bản chào giá, thư giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết.

- Đại diện QNC phải ký xác nhận vào bản gốc Bản chào giá, giấy ủy quyền, thư giảm giá (nếu có). QNC sẽ không loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở thầu, trừ các HSDX nộp sau thời điểm đóng thầu.

c) QNC lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản b mục này, ký xác nhận bởi đại diện của QNC và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

8. Làm rõ HSDX:

a) Sau khi mở HSDX, khi có những vấn đề cần làm rõ thì QNC gửi văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDX của nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của QNC.

b) Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

9. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng:

a) Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định:

- Đánh giá sự hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 4.
- Đánh giá sự hợp lệ của hồ sơ đề xuất theo quy định tại mục 6;
- Đánh giá giá chào: Đánh giá và so sánh giá chào cho từng loại nguyên liệu. Loại nguyên liệu của nhà thầu nào có giá chào, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng. Giá chào phải có tính ổn định ít nhất trong thời gian 03 tháng kể từ ngày 01/01/2018, ngoài thời hạn 03 tháng khi có biến động giá, hai bên cùng đàm phán thương thảo.

b) Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: Báo cáo đánh giá HSDX, HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu.

c) Nội dung thương thảo hợp đồng:

- Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa QNC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

- Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);

- Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

- Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

d) Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp hợp đồng thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

10. Điều kiện xét duyệt xếp hạng nhà thầu và Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu:

a) Các nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đề nghị đưa vào danh sách xếp hạng theo mỗi loại nguyên liệu.

b) Danh sách xếp hạng nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và đăng tải trên website của QNC.

12. Điều kiện ký kết hợp đồng:

a) Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

b) Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu.

13. Giải quyết kiến nghị trong chào giá:

a) Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của QNC: Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.3668.355; Fax: 0203.3668.354.

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Ông Tô Ngọc Hoàng, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Ông Vũ Trọng Hiệt, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0912048702; Email: kth.qncc@gmail.com;

Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh mong nhận được sự quan tâm tham gia chào giá của các Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận :

- Như kính gửi;
- CT Hội đồng quản trị;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc;
- Các phó TGD; TL Tổng giám đốc;
- Các phòng/ban Công ty;
- Các nhà cung cấp nguyên liệu năm 2017;
- Công khai trên bảng tin, Website Công ty;
- Lưu P.KTKH; VP.



Lô Ngọc Hoàng

BẢNG SỐ 1
SỐ LƯỢNG, CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG YÊU CẦU CỦA NGUYÊN LIỆU

TT	Tên	Tiêu chuẩn chất lượng yêu cầu	Các quy định khác	Số lượng yêu cầu	Phương thức lấy mẫu
1	Than cám 4a.1	- Độ tro khô Ak= 19,01 ÷ 23 (%); - Chất bốc khô Vk = 6,0 ÷ 8,0 (%) - Nhiệt lượng toàn phần khô Qk ≥ 6.400 (cal/g); - Độ ẩm toàn phần W ≤ (13%); - Lưu huỳnh chung khô Sk ≤ 0,9 (%); - Kích thước +15mm ≤ 10 (%).	Không lẫn các tạp chất có hại khác như đá, cát, sỏi, kim loại, có tính đồng nhất cao.	10.000 tấn/tháng; Tương đương 120.000 tấn/năm	Lấy mẫu tại phương tiện vận tải thủy và phương tiện vận tải bộ theo quy định được quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán.
2	Than cám 3c.1	- Độ tro khô Ak= 16,01 ÷ 19 (%); - Chất bốc khô Vk = 6,0 ÷ 8,0 (%) - Nhiệt lượng toàn phần khô Qk ≥ 6750 (cal/g); - Độ ẩm toàn phần W ≤ (13%); - Lưu huỳnh chung khô Sk ≤ 0,9 (%); - Kích thước +15mm ≤ 10 (%).	Không lẫn các tạp chất có hại khác như đá, cát, sỏi, kim loại, có tính đồng nhất cao.	10.000 tấn/tháng; Tương đương 120.000 tấn/năm	Lấy mẫu tại phương tiện vận tải thủy và phương tiện vận tải bộ theo quy định được quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán.
3	Than cám nhập khẩu	- Độ tro khô Ak= 16,01 ÷ 19 (%); - Nhiệt lượng toàn phần khô Qk ≥ 6750 (cal/g); - Độ ẩm toàn phần W ≤ (13%); - Lưu huỳnh chung khô Sk ≤ 0,9 (%); - Kích thước +15mm ≤ 10 (%).	Không lẫn các tạp chất có hại khác như đá, cát, sỏi, kim loại, có tính đồng nhất cao.	10.000 tấn/tháng; Tương đương 120.000 tấn/năm	Lấy mẫu tại phương tiện vận tải thủy và phương tiện vận tải bộ theo quy định được quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán.
4	Đất sét (Tên khác: Đá sét)	- Hàm lượng SiO ₂ : 63 ÷ 73 %; - Hàm lượng Al ₂ O ₃ : 10 ÷ 17 %; - Độ ẩm: ≤ 16%; - Cỡ hạt: ≤ 200 mm; Tỷ lệ cỡ hạt > 200mm không quá 10%.	Không có các tạp chất hoặc lẫn các vật liệu khác như sắt, thép, rễ cây, gỗ, than, xỉt và các thành phần có hại cho xi măng.	15.000 tấn/tháng, tương đương 180.000 tấn/năm.	Lấy mẫu tại phương tiện vận tải thủy và phương tiện vận tải bộ theo quy định được quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán.

TT	Tên	Tiêu chuẩn chất lượng yêu cầu	Các quy định khác	Số lượng yêu cầu	Phương thức lấy mẫu
5	Đất giàu sắt (Tên khác: Đá nhiễm sắt) loại 40% ≤ Fe2O3<50%	- Hàm lượng Fe2O3 tổng: 40% ≤ Fe2O3 ≤ 50%; - Hàm lượng SO3: ≤1%; - Độ ẩm: ≤ 20%; - Cỡ hạt: -30 mm; Tỷ lệ cỡ hạt +30mm không quá 10%.	Khai thác tự nhiên, không có từ tính; không trộn các chất thải công nghiệp, không lẫn các tạp chất hoặc các vật liệu khác như sắt, thép, rễ cây, gỗ, than, xít và các thành phần có hại cho xi măng.	5.000 tấn/tháng, tương đương 60.000 tấn/năm.	Lấy mẫu tại phương tiện vận tải thủy và phương tiện vận tải bộ theo quy định được quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán.
6	Đất giàu sắt (Tên khác: Đá nhiễm sắt) loại Fe2O3≥50%	- Hàm lượng Fe2O3 tổng: ≥ 50%; - Hàm lượng Al2O3: ≤10%; - Hàm lượng SO3: ≤1%; - Độ ẩm: ≤ 20%; - Cỡ hạt: -30 mm; Tỷ lệ cỡ hạt +30mm không quá 10%.	Khai thác tự nhiên, không có từ tính; không trộn các chất thải công nghiệp, không lẫn các tạp chất hoặc các vật liệu khác như sắt, thép, rễ cây, gỗ, than, xít và các thành phần có hại cho xi măng.	3.000 tấn/tháng, tương đương 36.000 tấn/năm.	Lấy mẫu tại phương tiện vận tải thủy và phương tiện vận tải bộ theo quy định được quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán.
7	Đá Silic (Tên khác: Đá cao silic)	- Hàm lượng SiO2: ≥ 82%; - Độ ẩm: < 12%; - Cỡ hạt: -50 mm; Tỷ lệ cỡ hạt +50 mm không quá 10%.	Đá silic khai thác tự nhiên, không có các tạp chất hoặc lẫn các vật liệu khác như sắt, thép, rễ cây, gỗ, than, xít và các thành phần có hại cho XM	10.000 tấn/tháng, tương đương 120.000 tấn/năm.	Lấy mẫu tại phương tiện vận tải thủy và phương tiện vận tải bộ theo quy định được quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán.
8	Thạch cao thiên nhiên	- Hàm lượng SO3: ≥ 40%; - Độ ẩm: ≤ 3%; - Độ tinh khiết (CaSO4.2H2O): ≥ 90%; - Cỡ hạt: -50 mm; Tỷ lệ cỡ hạt +50mm không quá 10%.	Khai thác tự nhiên nhập khẩu không có các tạp chất hoặc lẫn các vật liệu khác như sắt, thép, rễ cây, gỗ, than, xít và các thành phần có hại cho xi măng.	8.000 tấn/tháng, tương đương 96.000 tấn/năm.	Lấy mẫu tại phương tiện vận tải thủy và phương tiện vận tải bộ theo quy định được quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán.

TT	Tên	Tiêu chuẩn chất lượng yêu cầu	Các quy định khác	Số lượng yêu cầu	Phương thức lấy mẫu
9	Tro đáy nhiệt điện	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng SiO₂: > 58%; - Hàm lượng Al₂O₃: > 20%; - Hàm lượng vôi tự do ≤ 1,0%; - Mất khi nung: < 5%; - Độ ẩm: < 12%; - Cỡ hạt: ≤ 20 mm. 	Tro đáy nhiệt điện là tro thải từ các nhà máy nhiệt điện công nghệ đốt tầng sôi. Tro có màu xám xanh đến đen; không có các tạp chất hoặc lẫn các vật liệu khác như sắt, thép, rễ cây, gỗ, than, xít và các thành phần có hại cho xi măng.	8.000 tấn/tháng, tương đương 96.000 tấn/năm.	Lấy mẫu tại phương tiện vận tải thủy và phương tiện vận tải bộ theo quy định được quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán.
10	Tro bay	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng (SiO₂+Fe₂O₃+Al₂O₃): ≥ 75%; - Hàm lượng SO₃: ≤ 1,0 %; - Mất khi nung: ≤ 10%; - Độ ẩm: ≤ 0,5%; - Cỡ hạt còn lại trên sàng R008: ≤ 8% 	Tro bay là sản phẩm thải từ lọc bụi tĩnh điện nhà máy nhiệt điện công nghệ phun than. Tro bay dạng bột mịn, không ẩm ướt, kết dính có màu xám xanh đến đen.	3.000 tấn/tháng, tương đương 36.000 tấn/năm.	Lấy mẫu tại phương tiện vận tải thủy và phương tiện vận tải bộ theo quy định được quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán.
11	Đá vôi đen (Tên khác: Đá vôi xanh đen).	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng SiO₂: 30 ÷ 70%; - Hàm lượng CaO: > 15%; - Mất khi nung: > 15%; - Độ ẩm: < 3%; - Cỡ hạt -30mm; Tỷ lệ cỡ hạt +30mm không quá 10%. 	Đá có màu xám xanh đến đen; không có các tạp chất hoặc lẫn các vật liệu khác như sắt, thép, rễ cây, gỗ, than, xít và các thành phần có hại cho xi măng.	10.000 tấn/tháng, tương đương 120.000 tấn/năm.	Lấy mẫu tại phương tiện vận tải thủy và phương tiện vận tải bộ theo quy định được quy định cụ thể trong hợp đồng mua bán.
12	Phụ gia trợ nghiền xi măng	Đề nghị nhà thầu chào Tên, chủng loại; Các thông số kỹ thuật; Hãng sản xuất.		30 tấn/tháng, tương đương 360 tấn/năm.	Thực hiện thử nghiệm trong phòng thí nghiệm và chạy thử công nghiệp tại QNC, chứng minh được hiệu quả kinh tế tính trên giá thành sản phẩm xi măng.

Mẫu số 01:

TÊN ĐƠN VỊ:⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2017

ĐƠN CHÀO GIÁ

Kính gửi: Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cung cấp nguyên liệu sản xuất xi măng năm 2018 của Quý Công ty mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [*Ghi tên nhà thầu*]⁽¹⁾, có địa chỉ tại _____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] chào giá các loại nguyên liệu theo Bảng giá chào kèm theo⁽²⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của QNC.
2. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự chào giá.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện hợp đồng theo quy định trong thư mời của QNC.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ngày⁽³⁾, kể từ ngày tháng năm⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của nhà thầu;
- (2) Giá chào ghi trong Bảng giá chào phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ;
- (3) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời.
- (4) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của Thư mời.
- (5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền

Mẫu số 02:

TÊN ĐƠN VỊ:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2017

BẢNG GIÁ CHÀO

Tên đơn vị chào: (Nhà thầu có thể tham dự chào giá một, hai, nhiều hoặc toàn bộ các chủng loại nguyên liệu trong bảng dưới đây. Nhà thầu có thể chào cho mỗi loại nguyên liệu một hoặc cả hai hình thức giao hàng).

TT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng yêu cầu	Khi giao hàng tại cảng Lam Thạch			Khi giao hàng tại kho bãi NMXM Lam Thạch		
			Đơn giá chào trước thuế (đồng/tấn)	Thuế GTGT (đồng/tấn)	Đơn giá chào sau thuế (đồng/tấn)	Đơn giá chào trước thuế (đồng/tấn)	Thuế GTGT (đồng/tấn)	Đơn giá chào sau thuế (đồng/tấn)
1	Than cám 4a.1	- Độ tro khô Ak= 19,01 ÷23 (%); - Chất bốc khô Vk = 6,0÷8,0 (%) - Nhiệt lượng TP khô Qk ≥6.400 (cal/g); - Độ ẩm toàn phần W≤ (13%); - Lưu huỳnh chung khô Sk ≤0,9 (%); - Kích thước +15mm ≤ 10 (%).
	Giá chào sau thuế ghi bằng chữ			
2	Than cám 3c.1	- Độ tro khô Ak= 16,01 ÷19 (%); - Chất bốc khô Vk = 6,0÷8,0 (%) - Nhiệt lượng TP khô Qk ≥6750 (cal/g); - Độ ẩm toàn phần W≤ (13%); - Lưu huỳnh chung khô Sk ≤0,9 (%); - Kích thước +15mm ≤ 10 (%).
	Giá chào sau thuế ghi bằng chữ			

3	Than cám nhập khẩu	<ul style="list-style-type: none"> - Độ tro khô $A_k = 16,01 \div 19$ (%); - Nhiệt lượng TP khô $Q_k \geq 6750$ (cal/g); - Độ ẩm toàn phần $W \leq (13\%)$; - Lưu huỳnh chung khô $S_k \leq 0,9$ (%); - Kích thước $+15\text{mm} \leq 10$ (%).
	Giá chào sau thuế ghi bằng chữ				
4	Đất sét (Tên khác: Đá sét)	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng SiO_2: $63 \div 73$ %; - Hàm lượng Al_2O_3: $10 \div 17$ %; - Độ ẩm: $\leq 16\%$; - Cỡ hạt: ≤ 200 mm; Tỷ lệ cỡ hạt $> 200\text{mm}$ không quá 10%.
	Giá chào sau thuế ghi bằng chữ				
5	Đất giàu sắt (Tên khác: Đá nhiễm sắt) loại 40% $\leq \text{Fe}_2\text{O}_3 < 50\%$	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng Fe_2O_3 tổng: $40\% \leq \text{Fe}_2\text{O}_3 \leq 50\%$; - Hàm lượng SO_3: $\leq 1\%$; - Độ ẩm: $\leq 20\%$; - Cỡ hạt: -30 mm; Tỷ lệ cỡ hạt +30mm không quá 10%.
	Giá chào sau thuế ghi bằng chữ				
6	Đất giàu sắt (Tên khác: Đá nhiễm sắt) loại $\text{Fe}_2\text{O}_3 \geq 50\%$	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng Fe_2O_3 tổng: $\geq 50\%$; - Hàm lượng Al_2O_3: $\leq 10\%$; - Hàm lượng SO_3: $\leq 1\%$; - Độ ẩm: $\leq 20\%$; - Cỡ hạt: -30 mm; Tỷ lệ cỡ hạt +30mm không quá 10%.
	Giá chào sau thuế ghi bằng chữ				

7	Đá Silic (Tên khác: Đá cao silic)	- Hàm lượng SiO ₂ : ≥ 82%; - Độ ẩm: < 12%; - Cỡ hạt: -50 mm; Tỷ lệ cỡ hạt +50 mm không quá 10%.
	Giá chào sau thuế ghi bằng chữ						
8	Thạch cao thiên nhiên	- Hàm lượng SO ₃ : ≥ 40%; - Độ ẩm: ≤ 3%; - Độ tinh khiết (CaSO ₄ .2H ₂ O): ≥ 90%; - Cỡ hạt: -50 mm; Tỷ lệ cỡ hạt +50mm không quá 10%.
	Giá chào sau thuế ghi bằng chữ						
9	Tro đáy nhiệt điện	- Hàm lượng SiO ₂ : > 58%; - Hàm lượng Al ₂ O ₃ : > 20%; - Hàm lượng vôi tự do ≤ 1,0%; - Mất khi nung: < 5%; - Độ ẩm: < 12%; - Cỡ hạt: ≤ 20 mm.
	Giá chào sau thuế ghi bằng chữ						
10	Tro bay	- Hàm lượng (SiO ₂ +Fe ₂ O ₃ +Al ₂ O ₃): ≥ 75%; - Hàm lượng SO ₃ : ≤ 1,0 %; - Mất khi nung: ≤ 10%; - Độ ẩm: ≤ 0,5%; - Cỡ hạt còn lại trên sàng R008: ≤ 8%
	Giá chào sau thuế ghi bằng chữ						

11	Đá vôi đen (Tên khác: Đá vôi xanh đen).	- Hàm lượng SiO ₂ : 30 ÷ 70%; - Hàm lượng CaO: >15%; - Mất khi nung: >15%; - Độ ẩm: < 3%; - Cỡ hạt -30mm; Tỷ lệ cỡ hạt +30mm không quá 10%.
	Giá chào sau thuế ghi bằng chữ			
12	Phụ gia trợ nghiền xi măng	Đề nghị nhà thầu chào Tên, chủng loại; Các thông số kỹ thuật; Hãng sản xuất.
	Giá chào sau thuế ghi bằng chữ			

HSDX và Bản chào giá này có hiệu lực ngày kể từ thời điểm đóng thầu (đóng thầu 11h30' ngày 05/12/2017).

....., ngày tháng năm

ĐƠN VỊ CHÀO GIÁ

(Ký tên, đóng dấu)